

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13 – 8 – 2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm.

Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 10 và 13 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 550/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 494/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị L; cư trú tại ấp Ô, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Hồ Văn N; cư trú tại ấp Ô, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trương Thị H; cư trú tại ấp 19/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Cà Mau; trụ sở số 34, đường L, phường N, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quốc Th; chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc B; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Cà Mau tham gia tố tụng văn bản ủy quyền số: 1216/QĐ-NHCS ngày 28/11/2016 (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Trương Thị L và anh Hồ Văn N chung sống với nhau vào năm 2003, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức cưới gả theo phong tục. Trong thời gian chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn thường hay cự cãi và đánh nhau dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nay chị L xin ly hôn, anh N cũng đồng ý.

Về con chung, chị Trương Thị L cùng anh Hồ Văn N khai có 02 người là Hồ Trọng Nguyễn, sinh ngày 14/7/2004 và Hồ Hồng Đào, sinh ngày 27/9/2009. Khi ly hôn, chị L và anh N thống nhất thỏa thuận giao các con cho chị L nuôi, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi người con một tháng là 750.000đ, hai người con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/8/2018 và các con của anh, chị cùng có nguyện vọng được sống với chị L.

Về tài sản chung, anh N và chị L khai có 01 căn nhà được xây dựng vào năm 2017 trên phần đất của gia đình bên vợ cho ở nhờ tọa lạc tại ấp Ô, xã L, thành phố Cà Mau với diện tích ngang 4,5m, dài 12m và 01 bộ salon cùng 02 cái tủ. Căn nhà trên là nhà tiền chế có cấu trúc khung, sườn bằng kẽm, mái lợp tol, nền lót gạch men nên anh, chị tự định giá giá trị của căn nhà là 100.000.000đ mà không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định, định giá tài sản. Khi ly hôn, anh N cùng chị L thống nhất thỏa thuận giao căn nhà cho chị L được toàn quyền sở hữu và chị L có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh N 50% giá trị căn nhà tương ứng với số tiền là 50.000.000đ. Đối với phần đất là của gia đình bên vợ nên anh, chị không đặt ra yêu cầu phân chia. Riêng 01 bộ salon cùng 02 cái tủ, anh N và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phân chia.

Về nợ chung, anh N và chị L khai có nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Cà Mau số tiền 12.000.000đ, nợ chị Trương Thị H 05 chỉ vàng 24K. Khi ly hôn, anh chị thống nhất mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ trên cho các chủ nợ. Ngoài ra, vào ngày 19/02/2018 anh, chị có nhờ ông Trương Minh Dài (cha đẻ của chị L) mua trả góp 01 bộ salon cùng 02 cái tủ với số tiền là 17.000.000đ bằng hình thức vay tiền của Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit, gọi tắt là Công ty) và hàng tháng, ông Dài phải góp lại cho Công ty số tiền 1.697.000đ – Số tiền này, khi ly hôn chị L nhận trách nhiệm trả cho ông Dài để ông Dài góp lại cho Công ty mà không đặt ra yêu cầu anh N có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Đối với chị Trương Thị H khai nhận vào tháng 10 năm 2017, chị có cho vợ chồng anh N mượn 05 chỉ vàng 24K nhưng không làm biên nhận, hiện vợ chồng anh N chưa trả số vàng trên cho chị. Nay vợ chồng anh N ly hôn, chị yêu cầu anh N và chị L có trách nhiệm trả lại số vàng trên cho chị, mỗi người phải trả cho chị 2,5 chỉ vàng 24K (hai chỉ năm phân vàng 24 kara). Do nhà xa, điều kiện đi lại khó khăn nên chị H xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Đối với Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Cà Mau xác định ngày 27/3/2017, Ngân hàng cho hộ gia đình chị L vay số tiền 12.000.000đ, lãi suất cho vay là 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,975%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 15/3/2022. Quá trình vay, hộ gia đình chị L trả được 1.000.000đ tiền vốn, hiện còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 11.000.000đ và lãi tính đến ngày 19/7/2018 là 8.137đ. Do chị L ly hôn nên ngày 19/7/2018, Ngân hàng có đơn khởi kiện độc lập yêu cầu trả số tiền nợ trên, chị L và anh N cũng thông nhất trả nợ theo yêu của Ngân hàng. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng xin vắng mặt không tham gia hòa giải, xét xử cho đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Cà Mau đã có lời khai và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự thì yêu cầu trên được chấp nhận.

[2] Về hôn nhân, chị L và anh N chung sống với nhau vào năm 2003 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Cũng chính vì hôn nhân của anh N, chị L có vi phạm về mặt hình thức nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung là Hồ Trọng Nguyễn, sinh ngày 14/7/2004 và Hồ Hồng Đào, sinh ngày 27/9/2009. Tại phiên tòa, chị L và anh N thống nhất thỏa thuận giao các con cho chị L nuôi, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai người con mỗi tháng là 1.500.000đ (một người là 750.000đ/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/8/2018. Xét thấy việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con giữa anh N và chị L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, đúng với nguyện vọng của hai người con nên chấp nhận. Mặc dù, giao con cho chị L nuôi nhưng sau khi ly hôn, anh N vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, nếu anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

[4] Về tài sản chung là 01 căn nhà được xây dựng trên phần đất của gia đình bên vợ cho ở nhờ vào năm 2017 tọa lạc tại ấp Ô, xã L, thành phố Cà Mau với diện tích ngang 4,5m, dài 12m và 01 bộ salon cùng 02 cái tủ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L cùng anh N đã tự định giá giá trị căn nhà mà không đặt ra yêu cầu Tòa án trưng cầu tổ chức thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng định giá để định giá. Hội đồng xét xử thấy rằng việc tự định giá trên của anh N, chị L là hoàn toàn tự nguyện, không có dấu hiệu trốn tránh việc nộp án phí hoặc nghĩa vụ phải thi hành án.

Bên cạnh đó, chị L cùng anh N cũng thỏa thuận được việc giao căn nhà có diện tích nêu trên cho chị L toàn quyền sở hữu và chị L có nghĩa vụ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho anh N, cụ thể chị L sẽ hoàn lại cho anh N số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) – đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Riêng các tài sản là 01 bộ salon cùng 02 cái tủ, anh N và chị L thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án phân chia nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với phần đất, anh N và chị L xác định do gia đình bên vợ cho cất nhà ở nhờ trên đất nên khi ly hôn, anh chị không đặt ra yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, chị L cùng anh N khai có nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Cà Mau số tiền vay tính đến ngày 19/7/2018 là 11.008.137đ (trong đó vốn vay là 11.000.000đ, lãi là 8.137đ) và nợ chị Trương Thị H 05 chỉ vàng 24K. Khi ly hôn, anh chị đều thống nhất mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ trên cho các chủ nợ. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng và chị H kiện đòi anh N, chị L trả nợ được chấp nhận. Đối với số tiền nợ 17.000.000đ, tuy anh N cùng chị L thừa nhận nhờ ông Trương Minh Dài (cha đẻ của chị Luyến) đứng ra mua hàng trả góp bằng hình thức vay tiền của Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit) nhưng về nguyên tắc xử lý tranh chấp hợp đồng dân sự, ông Dài là người đứng ra giao kết hợp đồng thì chính ông là người chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng còn việc anh N, chị L thỏa thuận nhờ ông Dài mua hộ tài sản là quan hệ dân sự khác bởi không có chứng cứ nào chứng minh Công ty biết và thống nhất sự việc này. Hơn nữa, phương thức giải quyết quan hệ trên khi có tranh chấp không giống với tranh chấp về hợp đồng. Mặc dù, chị L nhận trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho ông Dài nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông Dài đến Tòa trình bày và xác định không yêu cầu anh N, chị L trả số tiền nợ trên cho ông khi ly hôn mà sẽ tự thương lượng thỏa thuận với nhau, trường hợp không thỏa thuận được ông Dài sẽ khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác nên Tòa án không đưa ông Dài và Công ty vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[6] Về án phí, căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải nộp các khoản án phí dân sự về hôn nhân và gia đình, án phí về chia tài sản chung khi ly hôn và án phí trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng, cho chị H. Anh N phải nộp các khoản án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con, án phí về chia tài sản chung khi ly hôn và án phí trong việc thanh toán nợ cho Ngân hàng, cho chị H. Riêng giá vàng 24K dùng để làm căn cứ tính án phí, tại thời điểm xét xử có giá là 35.000.000đ/lượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 11, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Trương Thị L và anh Hồ Văn N.

2. Về con chung là Hồ Trọng Nguyễn, sinh ngày 14/7/2004 và Hồ Hồng Đào, sinh ngày 27/9/2009. Tiếp tục giao cho chị Trương Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Hồ Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho con mỗi người con là 750.000đ, hai người con là 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/8/2018.

Anh Hồ Văn N có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, anh N không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về tài sản chung, chị Trương Thị L được nhận và được toàn quyền sở hữu căn nhà có diện tích ngang 4,5m, dài 12m tọa lạc tại ấp Ô, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Đồng thời, chị L có trách nhiệm thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh Hồ Văn N với số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án, chị L không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về nợ chung:

- Buộc chị Trương Thị L và anh Hồ Văn N, mỗi người phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Cà Mau số tiền 5.504.068đ (năm triệu năm trăm lẻ bốn nghìn không trăm sáu mươi tám đồng) trong đó, nợ vốn là 5.500.000đ và lãi tính đến ngày 19/7/2018 là 4.068đ. Đồng thời, tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng tính từ ngày tiếp theo của ngày 19/7/2018 cho đến khi thi hành xong.

- Buộc chị Trương Thị L và anh Hồ Văn N, mỗi người phải trả cho chị Trương Thị H 2,5 chỉ vàng 24K (hai chỉ năm phân vàng 24 kara).

5. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị Trương Thị L phải nộp số tiền 300.000đ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (đối với phần chia tài sản chung và nợ chung), chị L phải nộp số tiền 3.213.000đ.

Tổng các khoản án phí, chị L phải nộp là 3.513.000đ. Ngày 14/6/2018, chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.550.000đ theo biên lai số 0000918 được đối trừ chuyển thu sung quỹ nhà nước, chị L còn phải nộp tiếp số tiền là 1.963.000đ (một triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng, chưa nộp).

- Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, anh Hồ Văn N phải nộp số tiền là 300.000đ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (đối với phần chia tài sản chung và nợ chung), anh N phải nộp số tiền 3.213.000đ.

Tổng các khoản án phí, anh N phải nộp là 3.513.000đ (ba triệu năm trăm mười ba nghìn đồng, chưa nộp).

- Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Cà Mau không phải chịu án phí do thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

- Chị Trương Thị H không phải chịu án phí. Ngày 11/7/2018, chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 437.000đ (bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0001047 được trả lại cho chị H.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân